

Số: 1418 /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Ban hành hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Đoàn thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động các bệnh viện, phòng khám đa khoa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh;

Xét Tờ trình số 1809/TTr-BV ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh, địa điểm hoạt động: đường 21/4, khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được bổ sung 170 kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại bệnh viện theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế (Kèm danh mục);

Điều 2: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, đúng quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BGĐ Sở Y tế;
- BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bình

**BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT THỰC HIỆN****TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG KHÁNH**

Theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1418 /QĐ-SYT ngày 18/11/2024 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương □	Tên kỹ thuật
1	BS_1.389	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Kỹ thuật đặt Catheter Piccline Maxflo tại giường dưới hướng dẫn của siêu âm
2	BS_1.395	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Hồi sinh tim phổi máy bằng máy ép tim tự động
3	BS_1.401	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở máy oxy dòng cao (HFNC)
4	2.236	02. NỘI KHOA	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn của siêu âm
5	BS_9.4778	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Đặt kim luôn - gây mê chụp cắt lớp vi tính
6	BS_9.4779	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê khác
7	BS_9.4780	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê trong phẫu thuật mắt
8	BS_9.4781	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê trong thủ thuật mắt
9	BS_10.1333	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cố định xương sườn bằng nẹp vis
10	BS_10.1334	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cố định xương ức bằng nẹp vis
11	BS_10.1351	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy đoạn tĩnh mạch hiển lớn
12	BS_10.1393	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình trật khớp vai tái hồi (mở mớ)
13	BS_10.1394	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tái tạo xương đòn
14	BS_10.1395	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị khớp giả xương chày, mác(chưa bao gồm đỉnh, nẹp, ốc)
15	BS_10.1396	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị khớp giả xương đùi (chưa bao gồm đỉnh, nẹp, ốc)
16	BS_10.1397	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị khớp giả xương quay, trụ (chưa bao gồm đỉnh, nẹp, ốc)
17	BS_10.1398	10. NGOẠI KHOA	Kết hợp xương đặt lại chỗ bám dây chằng chéo sau
18	BS_10.1399	10. NGOẠI KHOA	Kết hợp xương đặt lại chỗ bám dây chằng chéo trước
19	BS_10.1400	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị chèn ép khoang chi dưới (mông, đùi, cẳng chân, bàn chân)
20	BS_10.1401	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị chèn ép khoang chi trên (vai, cánh tay, cẳng tay, bàn tay)
21	BS_10.1402	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng mô mềm cơ quan vận động
22	BS_10.1403	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tái tạo trẻ giữa gân duỗi khớp liên đốt ngón tay
23	BS_10.1404	10. NGOẠI KHOA	Tái tạo dây chằng vòng khớp quay trụ trên
24	BS_10.1405	10. NGOẠI KHOA	Đục cal xương giải phóng dính xương quay và trụ
25	BS_10.1406	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt sẹo xấu co rút gập ngón tay
26	BS_10.1407	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt sẹo xấu co rút kẻ ngón tay

27	BS_10.1409	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt cuống da vạt da chéo ngón
28	BS_10.1410	10. NGOẠI KHOA	Kết hợp xương, ghép xương khớp giả hai xương cẳng chân
29	BS_10.1411	10. NGOẠI KHOA	Kết hợp xương, ghép xương khớp giả thân xương đùi
30	BS_10.1412	10. NGOẠI KHOA	Đặt lại khớp trật cũ khớp vai
31	BS_11.181	11. BỎNG	Vệ sinh cá nhân cho người bệnh bỏng
32	BS_14.302	14. MẮT	Nạo giác mạc lấy tổ chức soi tươi chẩn đoán vi khuẩn, nấm, tế bào
33	BS_14.303	14. MẮT	Tách dính mi cầu
34	BS_14.306	14. MẮT	Rửa mắt bỏng hóa chất
35	BS_14.307	14. MẮT	Lấy sợi giác mạc trong viêm giác mạc sợi
36	BS_14.308	14. MẮT	Thử test thời gian vỡ phim nước mắt (BUT: break up time)
37	BS_14.309	14. MẮT	Test Seidel (phát hiện dò thủy dịch)
38	BS_13.242	13. PHỤ SẢN	Theo dõi tim thai
39	BS_13.243	13. PHỤ SẢN	Cắt tử cung đường dưới
40	BS_13.248	13. PHỤ SẢN	Cây - tháo thuốc tránh thai
41	BS_13.259	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đỡ đẻ trên người bệnh nhiễm khuẩn nặng, HPV, HIV, viêm gan nặng, ...
42	BS_13.260	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng cổ tử cung gây chuyển dạ
43	BS_13.261	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng buồng tử cung cầm máu sau đẻ
44	BS_13.262	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng âm đạo cầm máu sau đẻ
45	BS_13.263	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng ống cổ tử cung trong cầm máu chưa ống cổ tử cung
46	BS_16.349	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tùy răng 1 thì
47	BS_16.350	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khối huyết tương giàu tiểu cầu trong cấy ghép Implant nha khoa
48	BS_16.351	16. RĂNG HÀM MẶT	Kéo dẫn xương tăng thể tích sống hàm
49	BS_16.352	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hình tức thì trên Implant
50	BS_16.353	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng không sang chân để cấy ghép Implant tức thì
51	BS_16.354	16. RĂNG HÀM MẶT	Ghép mô liên kết tăng độ dày mô mềm quanh Implant
52	BS_16.355	16. RĂNG HÀM MẶT	Ghép mô lợi sừng hóa quanh Implant
53	BS_16.356	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo Implant bị gãy trong xương
54	BS_16.357	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy Implant rơi vào trong xoang hàm
55	BS_16.358	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy Implant rơi vào dưới màng xoang
56	BS_16.359	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo vít liên kết Implant bị gãy
57	BS_16.360	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp trên Implant
58	BS_16.361	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu trên Implant
59	BS_16.362	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa chữa phục hình sứ trên Implant bị vỡ
60	BS_16.363	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa chữa phục hình Implant bị hở tiếp xúc
61	BS_16.364	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị hở vết thương sau cấy ghép Implant
62	BS_16.365	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh Implant

63	BS_16.366	16. RĂNG HÀM MẶT	Vật trượt về phía chóp Implant điều trị viêm quanh Implant
64	BS_18.705	18. ĐIỆN QUANG	Hút dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm
65	BS_18.706	18. ĐIỆN QUANG	Chọc tế bào tuyến giáp bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn của siêu âm
66	BS_18.715	18. ĐIỆN QUANG	Chụp đường mật qua Kerh
67	BS_18.716	18. ĐIỆN QUANG	Chụp và can thiệp lấy sỏi mật trong và ngoài gan dưới XQ tăng sáng
68	BS_18.717	18. ĐIỆN QUANG	Chụp và can thiệp lấy sỏi niệu quản, sỏi thận qua da dưới XQ tăng sáng
69	BS_18.718	18. ĐIỆN QUANG	Chụp và sinh thiết u trong lòng đường ruột dưới XQ tăng sáng
70	BS_18.719	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
71	BS_18.720	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính ngực liều thấp không tiêm thuốc cản quang
72	BS_18.721	18. ĐIỆN QUANG	Chụp động mạch phổi dưới X-quang tăng sáng, số hóa xóa nền
73	BS_18.722	18. ĐIỆN QUANG	Chụp động mạch phế quản dưới X-quang tăng sáng, số hóa xóa nền
74	BS_18.727	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý van tim (nếu có tiêm thuốc)
75	BS_18.728	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CTscanner có dựng hình toàn bộ cột sống 64, 128, 256 dãy
76	BS_18.729	18. ĐIỆN QUANG	Chụp MRI toàn bộ cột sống 1.5T, 3T
77	BS_18.733	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm nội soi dẫn lưu áp xe cạnh đường tiêu hóa
78	BS_18.735	18. ĐIỆN QUANG	Chụp động mạch cảnh, động mạch đốt sống
79	BS_18.736	18. ĐIỆN QUANG	Chụp đường mật và túi mật cản quang tiêm tĩnh mạch
80	BS_18.737	18. ĐIỆN QUANG	Đốt u vú bằng RFA
81	BS_18.741	18. ĐIỆN QUANG	Chụp lưu thông ruột non có dùng ống thông
82	BS_18.742	18. ĐIỆN QUANG	Chụp đường mật xuyên gan qua da (PTC) (72-CD hình ảnh)
83	BS_18.743	18. ĐIỆN QUANG	Chụp hình đường mật trong mổ
84	BS_18.744	18. ĐIỆN QUANG	Thủ thuật chụp X-quang bàng quang xuôi chiều (qua ống thông mở bàng quang)
85	BS_20.113	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi bàng quang có can thiệp
86	BS_20.121	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Rút sonde JJ qua nội soi bàng quang có gây mê
87	BS_20.122	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Rút ống Modelage qua đường nội soi bàng quang có gây mê
88	BS_22.697	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian đông máu

89	BS_22.698	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Candida IgA bằng kỹ thuật ELISA
90	BS_22.699	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Candida IgG bằng kỹ thuật ELISA
91	BS_22.700	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Candida IgM bằng kỹ thuật ELISA
92	BS_22.701	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Chẩn đoán bệnh bằng phương pháp nhuộm Grocott
93	BS_22.702	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Chẩn đoán bệnh bằng phương pháp Cell bloc (khối tế bào)
94	BS_22.703	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	BOBS - Chẩn đoán nhiễm sắc thể 13, 18, 21, XY và 9 mất đoạn nhỏ
95	BS_22.704	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Bảo quản mô cuống rốn
96	BS_22.705	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ ABO- Rh(D) bằng máy tự động
97	BS_22.706	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định type kháng nguyên bạch cầu người (HLA) bằng kỹ thuật vi độc tế bào
98	BS_22.707	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm bằng nghiệm pháp tiêu thụ kháng thể
99	BS_22.708	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm kháng nguyên bạch cầu đa nhân trung tính
100	BS_22.709	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm kháng nguyên tiểu cầu
101	BS_22.710	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ Diego (xác định kháng nguyên Diego)
102	BS_22.711	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Lấy huyết tương người cho bằng máy tách tế bào tự động
103	BS_22.712	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Phát hiện kháng thể (n-DNA) bằng kỹ thuật ngưng kết Latex
104	BS_22.713	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sản xuất hồng cầu mẫu
105	BS_22.714	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sản xuất huyết thanh mẫu
106	BS_22.715	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sản xuất panel hồng cầu
107	BS_22.716	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sàng lọc kháng thể bất thường cho túi máu, chế phẩm với kỹ thuật ống nghiệm
108	BS_22.717	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sàng lọc kháng thể bất thường cho túi máu, chế phẩm với kỹ thuật trên plate
109	BS_22.718	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sàng lọc kháng thể bất thường với kỹ thuật trên Gelcard
110	BS_22.719	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sàng lọc kháng thể bất thường với kỹ thuật trên ống nghiệm
111	BS_22.720	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Sàng lọc kháng thể bất thường với kỹ thuật trên plate
112	BS_22.721	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Tách thành phần máu bằng ly tâm

113	BS_22.722	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Tìm kháng thể kháng thể bạch cầu đa nhân trung tính
114	BS_22.723	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Truyền máu tự thân có kế hoạch
115	BS_22.724	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Vận chuyển máu, chế phẩm máu
116	BS_22.725	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xác định kháng nguyên dưới nhóm hệ ABO
117	BS_22.726	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm Anti- cmV IgG bằng kỹ thuật hóa phát quang
118	BS_22.727	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm Anti- cmV IgM bằng kỹ thuật hóa phát quang
119	BS_22.728	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm Anti-HBc (Total IgG và IgM) bằng kỹ thuật hóa phát quang
120	BS_22.729	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm Anti-HBc (Total IgM) bằng kỹ thuật hóa phát quang
121	BS_22.730	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm Anti-HBe bằng kỹ thuật hóa phát quang
122	BS_22.731	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm Anti-HBs bằng kỹ thuật hóa phát quang
123	BS_22.732	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm Anti-HCV bằng kỹ thuật hóa phát quang
124	BS_22.733	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm cross-match khi truyền khối tiểu cầu
125	BS_22.734	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm HBeAg bằng kỹ thuật hóa phát quang
126	BS_22.735	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm HBsAg bằng kỹ thuật hóa phát quang
127	BS_22.736	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật hóa phát quang
128	BS_22.737	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm HTLV I/II (Bằng phương pháp ELISA hoặc hóa phát quang miễn dịch)
129	BS_22.738	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm kháng thể kháng giang mai bằng kỹ thuật hóa phát quang
130	BS_22.739	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Aldosterone niệu 24h
131	BS_22.740	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Allergy Panel 1
132	BS_22.741	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Allergy Panel 1 VIET
133	BS_22.742	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Allergy Panel 2
134	BS_22.743	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Allergy Panel 3
135	BS_22.744	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Allergy Panel 4
136	BS_22.745	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti GAD

137	BS_22.746	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti Mitochondria Antibody (AMA)
138	BS_22.747	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti Smooth Muscle Antibody
139	BS_22.748	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti-A Disintegrin And Metalloproteinase-13
140	BS_22.749	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti-Centromere
141	BS_22.750	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti-ENA (Anti-Extractable Nuclear Antigen)
142	BS_22.751	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti MPO
143	BS_22.752	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Bộ xét nghiệm cytokines (13 xét nghiệm cytokines)
144	BS_22.753	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Diquat
145	BS_22.754	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm định lượng NTX (N telopeptid của Collagen) trong nước tiểu
146	BS_22.755	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Phospholipid trong máu
147	BS_22.756	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xác định gen Parvo B19 bằng kỹ thuật RT-PCR
148	BS_22.757	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti- HBe (ELISA)
149	BS_22.758	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti- cmV IgG (ELISA)
150	BS_22.759	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Anti- cmV IgM (ELISA)
151	BS_22.760	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Candida IgA bằng kỹ thuật ELISA
152	BS_22.761	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Candida IgG bằng kỹ thuật ELISA
153	BS_22.762	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Candida IgM bằng kỹ thuật ELISA
154	BS_22.763	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Chẩn đoán Aspergillus bằng kỹ thuật ELISA
155	BS_22.764	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Kháng thể Cryptococcus (ELISA)
156	BS_22.765	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Legionella Pneumophila - ELISA
157	BS_22.766	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Legionella Pneumophila IgG - ELISA
158	BS_22.767	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Legionella Pneumophila IgM - ELISA
159	BS_22.768	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Leptospira IgM
160	BS_22.769	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Pneumocystis carinii bằng kỹ thuật ELISA

161	BS_22.770	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Pneumocystis carinii bằng kỹ thuật PCR
162	BS_22.771	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Pneumocystis carinii PCR
163	BS_27.522	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi
164	BS_27.548	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu ổ áp xe tiền liệt tuyến
165	BS_27.554	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt thận niệu quản và 1 phần bàng quang điều trị ung thư biểu mô đường tiết niệu trên
166	BS_27.555	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận
167	BS_27.559	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang bán phần
168	BS_27.560	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật cắt túi sa niệu quản bằng nội soi
169	BS_27.641	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt đốt bướu niệu mạc đường tiểu trên
170	BS_27.642	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi niệu quản ngược chiều cắt-đốt bướu niệu quản
Tổng cộng: 170 kỹ thuật			

